

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỘ ĐỨC
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘ ĐỨC, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Vương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Thanh Sơn
2. Ông Nguyễn Quốc Trường

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Thành, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Yên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộ Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị N, địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng N
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, địa chỉ: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ng.

Chị N vắng mặt, có đơn xin vắng mặt;

Anh H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/4/2022, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Phạm Thị N trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu và có với nhau 01 con chung. Tuy nhiên, sau khi sinh con được 02 năm thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã nhau, sống không hạnh phúc. Nay tình cảm giữa chị và anh H không còn, chị yêu cầu Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung tên Nguyễn Viết C, sinh ngày 10/8/2007. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, chị không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa án làm việc cũng như gửi văn bản trình bày ý kiến của mình.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn không tham gia quá trình giải quyết vụ án nên vi phạm Điều 70, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Giao con chung tên Nguyễn Viết C, sinh ngày 10/8/2007 cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

+ Các đương sự chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã thụ lý đơn khởi kiện đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền, giải quyết vụ án trong thời hạn luật định. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt, bị đơn anh Nguyễn Văn H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đức Hiệp, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi. Do đó, quan hệ hôn nhân chị N và anh H là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, giữa chị N và anh H có xảy ra mâu thuẫn. Chị N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng sống không hợp nhau, thường xuyên xảy ra cãi vã. Anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo để anh H đến làm việc, tham gia phiên hòa giải nhưng anh H không đến, không thể hiện thiện chí để Tòa án hòa giải cho vợ chồng anh chị về đoàn tụ chung sống. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị N và anh H là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Phạm Thị N yêu cầu ly hôn anh Nguyễn Văn H là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung:

Chị Phạm Thị N và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung tên Nguyễn Viết C, sinh ngày 10/8/2007. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của chị N: Hội đồng xét xử xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn H không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Mặt khác, cháu C hiện đang ở với chị N, cháu C có nguyện vọng được ở với chị N. Do đó, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của cháu C, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao con chung Nguyễn Viết C, sinh ngày 10/8/2007 cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

[2.3] Về cấp dưỡng cho con: Chị Phạm Thị N không yêu cầu anh Nguyễn Văn H cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí:

Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộ Đức tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các điều 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị N

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Viết C, sinh ngày 10/8/2007 cho chị Phạm Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị N không yêu cầu anh H cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Thị N trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị N phải chịu 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^d (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002359 ngày 29 tháng 4 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi.

5. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Mộ Đức;
- Chi Cục THADS huyện Mộ Đức;
- UBND xã Đức Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Minh Vương